



Kỹ năng so sánh kích thước của trẻ mẫu giáo ở một số trường mầm non trên địa bàn thành phố Huế

Lương Thị Minh Thủy

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 20/9/2022

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 24/11/2022

Ngày nhận đăng: 29/11/2022

Ngày xuất bản: 20/8/2026

Từ khóa:

Kỹ năng;

So sánh;

Kỹ năng so sánh kích thước;

Làm quen với toán;

Trẻ mẫu giáo.

TÓM TẮT

Kỹ năng so sánh kích thước là một trong những kỹ năng toán học quan trọng đối với quá trình phát triển của một đứa trẻ. Việc nhận biết được mức độ phát triển kỹ năng này của trẻ sẽ hỗ trợ rất nhiều cho các giáo viên mầm non cũng như các nhà giáo dục trong quá trình nghiên cứu và phát triển giáo dục mầm non. Bài viết trình bày một số kết quả nghiên cứu về các dạng kỹ năng so sánh kích thước của trẻ mẫu giáo, xác định các biểu hiện, những bài tập đánh giá và thực trạng phát triển kỹ năng so sánh kích thước của trẻ mẫu giáo ở một số trường mầm non trên địa bàn thành phố Huế.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Toán học đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của trẻ, giúp trẻ nhận thức thế giới xung quanh trong các mối quan hệ về số lượng, hình dạng, kích thước (KT), vị trí trong không gian và định hướng thời gian. Một trong những kỹ năng toán học quan trọng mà trẻ được hình thành và phát triển trong chương trình giáo dục mầm non (GDMN) ở hoạt động làm quen với toán đó chính là kỹ năng (KN) so sánh kích thước (SSKT). So sánh là một thao tác tư duy rất quan trọng đối với con người nói chung và trẻ mẫu giáo nói riêng. “So sánh giúp con người nhận biết được sự giống và khác nhau giữa các sự vật và hiện tượng có trong thế giới xung quanh, nhờ vậy con người nhận biết thế giới đầy đủ và sâu sắc” (Trần, 1994). KT là một trong những dấu hiệu đặc trưng của vật thể mà trẻ dựa vào đó có thể biết được độ dài, độ lớn, bề rộng... của vật. Hoạt động hình thành biểu tượng KT là quá trình trẻ thực hiện các hành động tác động vào sự vật nhằm tiếp nhận những hình ảnh về chiều dài, chiều cao, chiều rộng và độ lớn của vật thể và khái quát, lưu giữ, tái hiện lại trong ý thức của trẻ. Đó chính là điều kiện thuận lợi để giáo dục KN SSKT cho trẻ, bởi trong hoạt động này trẻ được thực hành trải nghiệm kỹ năng nhận biết, phân biệt sự giống nhau và khác nhau về KT giữa các đối tượng hay nhóm đối tượng. Từ đó, giúp trẻ có thái độ tích cực đối với hoạt động so sánh, biết vận dụng KN SSKT trong các hoạt động đa dạng. Bên cạnh phát triển KN SSKT thì các KN: chú ý, ghi nhớ, tưởng tượng cũng được phát triển. Khi trẻ có KN SSKT, trẻ sẽ được phát triển toàn diện về nhận thức, tư duy, ngôn ngữ, thẩm mỹ... và với KN SSKT, đây sẽ là hành trang chuẩn bị sẵn sàng cho trẻ học tập ở lớp 1 và các cấp phổ thông sau này. Vì vậy, việc giáo dục KN SSKT cho trẻ ngay từ nhỏ là nhiệm vụ quan trọng của giáo dục mầm non.

Nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến KN và phát triển các KN cho trẻ mẫu giáo của các tác giả: Trần Thị Hằng (2015), Đỗ Thị Minh Liên (2010a), Vũ Thị Nhân (2016), Trần Thị Ngọc Trâm (2013), Trần Xuân Hương (1994)... Tuy nhiên, KNSS và đặc biệt là các KN SSKT của trẻ mẫu giáo là vấn đề chưa được nghiên cứu chuyên biệt và cũng không có nhiều tài liệu nhằm giúp GVMN hiểu được sự phát triển kỹ năng này ở trẻ lứa tuổi mẫu giáo, từ đó định hướng cho việc lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với trẻ. Bài báo sẽ trình bày một số kết quả nghiên cứu về “Kỹ năng so sánh kích thước của trẻ mẫu giáo 3-6 tuổi ở một số trường mầm non trên địa bàn thành phố Huế”. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp những thông tin

Tác giả liên hệ: Lương Thị Minh Thủy;

Địa chỉ e-mail: luongthminhthuy@dhsphue.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.107.2026>

khoa học hữu ích cho sinh viên, GV ngành GDMN và làm cơ sở cho các nghiên cứu có liên quan trong tương lai.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÝ THUYẾT LIÊN QUAN

2.1. Các khái niệm về so sánh kích thước

Kỹ năng so sánh là hành động có ý thức, có kỹ thuật và có kết quả được thực hiện nhằm xác định sự giống nhau hay khác nhau, sự đồng nhất hay không đồng nhất, sự bằng nhau hay không bằng nhau giữa các sự vật, hiện tượng dựa trên vốn tri thức và kinh nghiệm đã có trong những điều kiện nhất định.

Kỹ năng so sánh kích thước là hành động có ý thức, có kỹ thuật và có kết quả được thực hiện nhằm xác định sự giống nhau hay khác nhau, sự bằng nhau hay không bằng nhau về KT giữa các vật dựa trên vốn tri thức và kinh nghiệm đã có trong những điều kiện nhất định”.

2.2. Các dạng kỹ năng so sánh kích thước ở trẻ mẫu giáo

Dựa trên những kết quả từ nghiên cứu lý luận (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021; Đỗ, 2010a; 2010b), chúng tôi nhận thấy rằng trẻ mẫu giáo từ 3-6 tuổi có thể thực hiện được các KN SSKT sau đây:

2.2.1. Kỹ năng nhận biết, phân biệt được các chiều KT dựa vào đặc điểm hình dáng các vật

Một vật có thể có rất nhiều các đặc điểm, dấu hiệu để chúng ta so sánh. Ví dụ như chiếc bàn, nó có đủ chiều dài, chiều rộng, chiều cao và độ lớn hoặc cái cốc uống nước có chiều cao, độ lớn... Nhưng, khi đưa ra so sánh, chúng ta cần nắm được đặc điểm so sánh nổi bật về một chiều KT của chúng. Vì vậy, trẻ mẫu giáo cần nhận biết và phát hiện ra các đặc trưng nổi bật để có thể dễ dàng so sánh.

2.2.2. Kỹ năng đoán và ước lượng sự khác biệt về KT giữa 2 đối tượng

Dựa trên việc trẻ phân biệt được các chiều KT giữa các đối tượng, từ đó hình thành sự quan tâm của trẻ về mối quan hệ KT. Đặc biệt, giữa những đối tượng có cùng chiều KT thì mối quan hệ của chúng là gì? Ở độ tuổi từ 3-4 tuổi, khi các kỹ năng về tư duy, quan sát, vận động và ngôn ngữ chưa thực sự hoàn thiện thì trẻ chỉ có thể phân biệt được sự khác biệt rõ nét về KT giữa 2 đối tượng có cùng kiểu dáng, tên gọi nhưng khác biệt về màu sắc. Ngôn ngữ sử dụng trong giai đoạn này là: dài hơn – ngắn hơn đối với 2 vật khác biệt về chiều dài, cao hơn – thấp hơn đối với 2 vật khác biệt về chiều cao, rộng hơn – hẹp hơn đối với 2 vật khác biệt về chiều rộng, to hơn – nhỏ hơn đối với 2 vật khác biệt về độ lớn. Kỹ năng đoán, ước lượng bằng mắt và lựa chọn bằng tay.

2.2.3. Kỹ năng sử dụng các biện pháp xếp chồng, xếp cạnh để so sánh, nhận biết mối quan hệ về KT giữa hai đối tượng

Giữa 2 đối tượng có cùng dấu hiệu KT, mối quan hệ có thể có là: dài hơn, ngắn hơn hoặc dài bằng nhau; rộng hơn, hẹp hơn hoặc rộng bằng nhau; cao hơn, thấp hơn hoặc cao bằng nhau; to hơn, nhỏ hơn hoặc to bằng nhau. Tuy nhiên, không phải trường hợp nào trẻ cũng có thể nhận biết mối quan hệ này bằng việc đoán, ước lượng, ví dụ: giữa các cặp đối tượng có sự khác biệt xấp xỉ (cây thước xanh dài 25 cm, cây thước đỏ dài 24 cm) hoặc không khác biệt (dài bằng nhau). Vì vậy trẻ cần được hình thành và phát triển các kỹ năng so sánh chuẩn xác hơn như xếp chồng hoặc xếp cạnh nhau.

2.2.4. Kỹ năng so sánh và sắp xếp theo thứ tự KT giữa 3-5 đối tượng

Trong chương trình GDMN hiện hành, trẻ 4-5 tuổi còn được hình thành và phát triển kỹ năng nhận biết mối quan hệ KT giữa 3-5 đối tượng. Khi so sánh các nhóm đối tượng này, trẻ sẽ nhận biết được mối quan hệ “nhất” cụ thể: chiều dài có dài nhất, ngắn nhất, chiều cao có cao nhất, thấp nhất, chiều rộng có rộng nhất, hẹp nhất, độ lớn có to nhất, nhỏ nhất. Đặc biệt, trong trường hợp các nhóm đối tượng chênh lệch KT từng đôi một, trẻ kết hợp kỹ năng sắp xếp theo thứ tự KT để nhận biết mối quan hệ và sử dụng ngôn ngữ diễn đạt chính xác như: chiều dài thì có dài nhất, ngắn hơn, ngắn nhất (theo thứ tự giảm dần) hoặc ngắn hơn, dài hơn, dài nhất (theo thứ tự tăng dần, chiều rộng thì có rộng nhất, hẹp hơn, hẹp nhất (theo thứ tự giảm dần) hoặc hẹp hơn, rộng hơn, rộng nhất (thứ tự tăng dần), với chiều cao thì có cao nhất, thấp hơn, thấp nhất (thứ tự giảm dần) hoặc thấp hơn, cao hơn, cao nhất (thứ tự tăng dần) và độ lớn thì có to nhất, nhỏ hơn, nhỏ nhất (thứ tự giảm dần) hoặc nhỏ hơn, to hơn, to nhất (thứ tự tăng dần). Để thực hiện kỹ năng so sánh này thì trẻ sẽ kết hợp sử dụng so sánh 2 đối tượng và sử dụng phương pháp loại suy để nhận biết.

2.2.5. Kỹ năng sử dụng biện pháp đo KT một vật bằng đơn vị đo quy ước và so sánh

Dựa trên việc trẻ 4-6 tuổi đã nắm được kỹ năng đếm và có biểu tượng về số lượng để có thể kết hợp giữa phép đếm và phép đo trong quá trình đo các vật khác nhau và giúp trẻ khái quát kết quả đo. Việc dạy trẻ 4-6 tuổi phép đo lường có tác dụng phát triển sự tri giác KT các vật của trẻ và làm cho nó trở nên chính xác hơn. Trong quá trình học đo lường, trẻ học được cách phân biệt vật để đo, vật làm thước đo và kết quả đo, trẻ được làm quen với các quy định của phép đo lường, thông qua số lượng các thước đo mà trẻ hình dung được

kết quả đo. Vì vậy, sự ước lượng KT các vật của trẻ được phát triển, biểu tượng về số lượng và về các mối quan hệ giữa các con số của trẻ được củng cố.

3. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu là 571 trẻ mẫu giáo của 2 trường mầm non trên địa bàn thành phố Huế: MN Phước Vĩnh và MN Phú Cát. Trong đó có 207 trẻ ở độ tuổi 3 đến 4, 173 trẻ độ tuổi 4 đến 5 và 191 trẻ từ 5 đến 6 tuổi. Các bé trong độ tuổi đều phát triển bình thường về chiều cao, cân nặng (có 1 bé tự kỉ và 1 bé khuyết tật, độ tuổi 4 đến 5).

Thời gian khảo sát từ tháng 10/2021 đến 3/2022.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, các phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu, nghiên cứu sản phẩm và thống kê toán học đã được sử dụng. Trong đó, nghiên cứu sản phẩm hoạt động là phương pháp nghiên cứu chủ đạo. Căn cứ vào các nghiên cứu đi trước, tác giả đã xây dựng 05 tiêu chí, 05 bài tập đánh giá tương ứng và một thang đánh giá. Các bài tập được xây dựng bám sát theo **chương trình giáo dục mầm non mới nhất đã được Bộ giáo dục đào tạo ban hành tại Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT 2021. Cụ thể tại bảng 1:**

Bảng 1. Các tiêu chí, biểu hiện và nội dung bài tập đánh giá KN SSKT của trẻ mẫu giáo

Tiêu chí	Biểu hiện	Nội dung bài tập
1. Nhận biết, phân biệt được các chiều KT dựa vào đặc điểm hình dáng các vật.	(1) Phát hiện và gọi đúng tên các chiều KT trên mỗi vật. (2) Kết hợp giữa gọi tên và sử dụng hoạt động để xác định các chiều KT trên mỗi vật. (3) Giải thích được sự khác biệt giữa các chiều KT trên mỗi vật.	Lựa chọn theo dấu hiệu của mỗi bài tập Trẻ quan sát, lựa chọn và trả lời các câu hỏi: Vật nào có chiều dài? Con có thể chỉ tay theo chiều dài của vật không? Vì sao con chọn vật đó? ...
2. Đoán và ước lượng sự khác biệt về KT giữa 2 đối tượng.	(4) Nhận biết sự khác biệt rõ nét về KT giữa hai đơn vị có cùng chiều KT. (5) Sử dụng và diễn đạt đúng các từ: dài hơn – ngắn hơn, to hơn – nhỏ hơn, rộng hơn – hẹp hơn.	Trẻ quan sát và lựa chọn được vật dài hơn hoặc ngắn hơn, cao hơn hoặc thấp hơn... giữa 2 vật có cùng chiều KT (trong trường hợp có sự khác biệt rõ nét) mà không cần giải thích vì sao.
3. Sử dụng các biện pháp xếp chồng, xếp cạnh để so sánh, nhận biết mối quan hệ về KT giữa hai đối tượng.	(6) Lựa chọn và thực hiện được các thao tác của KN xếp chồng, xếp cạnh để so sánh nhận biết mối quan hệ về KT giữa hai đối tượng. (7) Sử dụng kết quả so sánh để kết luận được mối quan hệ về KT giữa hai đối tượng: dài hơn – ngắn hơn, thấp hơn – cao hơn, to hơn – nhỏ hơn...	Trẻ thực hiện nhiệm vụ so sánh KT giữa 2 đối tượng có sự chênh lệch ít (khoảng 0,5cm đối với chiều dài hoặc chiều cao) hoặc không chênh lệch (bằng nhau). Giải thích cách làm, nói được kết quả so sánh.
4. So sánh và sắp xếp theo thứ tự KT giữa 3 - 5 đối tượng.	(8) Biết cách sử dụng so sánh xếp chồng, xếp cạnh của từng cặp đối tượng để so sánh và kết luận mối quan hệ giữa 3-5 đối tượng (so sánh kiểu loại suy): dài nhất, ngắn nhất, cao nhất, thấp nhất, to nhất, nhỏ nhất... (9) Sắp xếp đúng thứ tự theo chiều tăng hoặc giảm dần về KT và sử dụng KN diễn đạt mối quan hệ KT của 3-5 đối tượng: dài nhất, ngắn hơn, ngắn nhất; ngắn nhất, dài hơn, dài nhất...	Trẻ thực hiện kỹ năng so sánh KT giữa 2 đối tượng qua phương pháp “loại suy” để chọn được: đối tượng dài nhất, đối tượng ngắn nhất... Sắp xếp theo thứ tự và diễn đạt mối quan hệ KT này.
5. Sử dụng biện pháp đo KT một vật bằng đơn vị đo quy ước và so sánh.	(10) Biết cách chọn thước đo và thực hiện đúng các thao tác của KN đo. (11) Biết sử dụng kết quả đo để so sánh KT giữa các đối tượng. (12) Hiểu được ý nghĩa của KN đo.	Trẻ tự chọn thước đo để đo KT 1 đối tượng, nói kết quả đo sau khi thực hiện phép đo. Trẻ so sánh KT giữa 2 hoặc 3 đối tượng bằng kết quả đo, giải thích.

Các bài tập được tổ chức cho trẻ trong các hoạt động làm quen với toán học có chủ đích ở trường mầm non. Trong quá trình trẻ hoạt động, các quan sát viên sẽ ghi nhận kết quả thực hiện của từng trẻ (được hay không được) để xác định mức độ theo thang đánh giá (xem bảng 2).

Thang đánh giá được xây dựng dựa trên tỉ lệ đạt được hay không đạt được kết quả thực hiện của trẻ theo

các biểu hiện ở mỗi tiêu chí, cụ thể:

Bảng 2. Thang đánh giá thực trạng phát triển KN SSKT của trẻ mẫu giáo

Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
≤ 20%	21% - 40%	41% - 60%	61% - 80%	81% - 100%

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Kết quả khảo sát kỹ năng so sánh kích thước của trẻ mẫu giáo ở một số trường mầm non trên địa bàn thành phố Huế

Số liệu khảo sát kỹ năng so sánh kích thước của trẻ mẫu giáo tại 02 trường mầm non Phước Vĩnh và mầm non Phú Cát được trình bày cụ thể ở bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Kết quả khảo sát thực trạng KN SSKT của trẻ mẫu giáo

Tiêu chí đánh giá	Biểu hiện	Trẻ 3-4 tuổi (207)		Trẻ 4-5 tuổi (173)		Trẻ 5-6 tuổi (191)	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Nhận biết, phân biệt được các chiều kích thước dựa vào đặc điểm hình dáng các đối tượng	- Phát hiện và gọi đúng tên các chiều kích thước trên mỗi đối tượng (1)	126	60,87	138	79,77	153	80,10
	- Kết hợp giữa gọi tên và sử dụng hoạt động để xác định các chiều kích thước trên mỗi đối tượng (2)	90	43,48	124	71,68	145	75,92
	- Giải thích được sự khác biệt giữa các chiều kích thước trên mỗi đối tượng (3)	45	21,74	106	61,27	139	72,77
Đoán và ước lượng sự khác biệt về kích thước giữa 2 đối tượng	- Nhận biết sự khác biệt rõ nét về kích thước giữa hai đơn vị có cùng chiều kích thước (4)	81	39,13	138	79,76	152	79,58
	- Sử dụng và diễn đạt đúng các từ: dài hơn – ngắn hơn, to hơn – nhỏ hơn, rộng hơn – hẹp hơn (5)	135	65,21	137	79,19	153	80,24
Sử dụng các biện pháp xếp chồng, xếp cạnh để so sánh, nhận biết mối quan hệ về kích thước giữa hai đối tượng	- Lựa chọn và thực hiện được các thao tác của kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh để so sánh nhận biết mối quan hệ về kích thước giữa hai đối tượng (6)	45	21,74	67	38,72	156	81,68
	- Sử dụng kết quả so sánh để kết luận được mối quan hệ về kích thước giữa hai đối tượng: dài hơn – ngắn hơn, thấp hơn – cao hơn, to hơn – nhỏ hơn... (7)	27	13,04	95	55,10	151	79,19
So sánh và sắp xếp theo thứ tự kích thước giữa 3-5 đối tượng	- Biết cách sử dụng so sánh xếp chồng, xếp cạnh của từng cặp đối tượng để so sánh và kết luận mối quan hệ giữa 3-5 đối tượng (so sánh kiểu loại suy): dài nhất, ngắn nhất, cao nhất, thấp nhất, to nhất, nhỏ nhất... (8)	0	0	60	34,70	125	65,45
	- Sắp xếp đúng thứ tự theo chiều tăng hoặc giảm dần về kích thước và sử dụng kỹ năng diễn đạt mối quan hệ kích thước của 3-5 đối tượng: dài nhất, ngắn hơn, ngắn nhất; ngắn nhất, dài hơn, dài nhất... (9)	0	0	46	26,59	108	56,54
Sử dụng biện pháp đo kích thước một đối tượng bằng đơn vị đo quy ước và so sánh	- Biết cách chọn thước đo và thực hiện đúng các thao tác của kỹ năng đo. (10)	0	0	0	0	56	29,32
	- Biết sử dụng kết quả đo để so sánh kích thước giữa các đối tượng (11)	0	0	0	0	41	21,47
	- Hiểu được ý nghĩa của kỹ năng đo (12)	0	0	0	0	39	20,42

4.2. Phân tích kết quả khảo sát

Kết quả số liệu ở bảng 3 cho thấy, KN SSKT đã được hình thành và phát triển ở trẻ từ 3 đến 6 tuổi. Tuy nhiên mức độ phát triển phụ thuộc nhiều vào độ tuổi, vào kinh nghiệm sống của các bé. Cụ thể:

Với trẻ từ 3 đến 4 tuổi, trẻ có thể phát hiện, nhận biết và gọi được tên các chiều đo kích thước của mỗi vật (tỷ lệ đạt được là trên 60%, mức đánh giá Khá). Nhưng lại không nhiều trẻ có thể sử dụng được hành động để xác định và giải thích việc lựa chọn các chiều kích thước đó trên mỗi vật thể. Ví dụ: Sợi dây có chiều dài mà không phải chiều cao, chai nước có chiều cao mà không phải chiều dài. Một số trẻ có thể sử dụng đúng ngôn ngữ diễn đạt sự khác biệt về kích thước của 2 vật như: dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn. Những biểu hiện cao hơn mức yếu là rất thấp (từ 0% đến 20%, mức kém). Kết quả này là hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu về đặc điểm phát triển của trẻ (Đỗ, 2010b) và mục tiêu của chương trình GDMN (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021).

Ở tuổi từ 4 đến 5, các biểu hiện (1), (2), (3), (4) và (5) có tỉ lệ tương đối cao (trên 60%, mức Khá. Kết quả này chỉ ra rằng, theo thời gian, kinh nghiệm sống và giáo dục đã giúp trẻ phát triển hơn về KN SSKT nhưng vẫn còn nhiều trẻ (gần 30%) chưa đạt được điều đó. Các biểu hiện (6), (8) và (9) vẫn ở mức yếu (dưới 25%) và biểu hiện (7) đạt mức trung bình (55,10%). Điều này cho thấy, trẻ 4-5 tuổi có thể sử dụng được kết quả so sánh để kết luận mối quan hệ về kích thước giữa 2 đối tượng cho dù không thực hiện được KN so sánh. Bên cạnh đó, thời điểm khảo sát là khoảng thời gian giữa năm học, theo chương trình trẻ chưa được GV tổ chức các hoạt động liên quan đến các loại KN này mà chủ yếu do trẻ tự học được đâu đó trong cuộc sống của trẻ. Cũng vì vậy ở các biểu hiện (10), (11) và (12) tỉ lệ là 0% là điều hợp lý cho trẻ ở độ tuổi này.

Đến tuổi cuối mẫu giáo, trẻ từ 5 đến 6 tuổi, phần lớn phát triển khá tốt về KN SSKT. Đặc biệt là ở các biểu hiện từ (1) đến (9) vì đây là những biểu hiện của các dạng KN SSKT xuất hiện trong các bài học về làm quen với toán nằm trong chương trình GDMN cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Tuy nhiên kết quả đánh giá cũng chỉ ở mức Trung bình và mức Khá (tỉ lệ từ 60% - 80%) chứ chưa phải là Tốt. Kết quả thấp hơn nhiều đối với các biểu hiện (10), (11) và (12) (dưới 40%, mức Yếu).

5. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy rằng, trẻ mẫu giáo từ 3 đến 6 tuổi đã có thể cảm nhận, nhận biết và hình thành các kỹ năng SSKT. Các loại kỹ năng này theo thời gian trở nên chính xác và phát triển hơn ở trẻ. Chúng trở thành những kỹ năng quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của trẻ. Tuy nhiên, mỗi độ tuổi với đặc điểm về tâm – sinh – lý khác nhau mức độ phát triển các dạng KN SSKT ở trẻ cũng sẽ khác nhau. Bên cạnh đó, một số trẻ (dù không nhiều) có những biểu hiện vượt bậc về phát triển KN SSKT so với các bạn cùng lứa. Vì vậy GVMN cần tìm hiểu và nắm được mô hình phát triển này ở trẻ để có những định hướng phù hợp trong lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học nhằm phát triển các KN SSKT nói riêng và các KN khác ở trẻ mẫu giáo nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021: Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non*.
- Đỗ, T. M. L. (2010a). Nghiên cứu phát triển khả năng so sánh cho trẻ mẫu giáo trong các hoạt động làm quen với toán. *Tạp chí Giáo dục*, (251), 43–45.
- Đỗ, T. M. L. (2010b). *Lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Trần, X. H. (1994). *Sự hình thành tư duy trực quan – sơ đồ ở trẻ mẫu giáo từ 5 đến 6 tuổi* [Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội].
- Trần, T. N. T. (2013). *Trò chơi phát triển tư duy cho trẻ 3–6 tuổi*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Trần, T. H. (2015). *Trò chơi phát triển biểu tượng hình dạng và kích thước cho trẻ mầm non*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Vũ, T. N. (2016). *Giáo dục kỹ năng hợp tác trong trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ 5–6 tuổi ở trường mầm non* [Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội].

Preschoolers' size comparison skill in some kindergartens in Hue city

Luong Thi Minh Thuy

University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 20 September 2022

Received in revised form: 24 November 2022

Accepted: 29 November 2022

Published: 20 August 2026

Keywords:

Skills;

Comparison;

Size comparison skills;

Preschooler;

Get acquainted with math.

Corresponding author:

Luong Thi Minh Thuy

E-mail address:

luongthiminhthuy@dhsphue.edu.vn

ABSTRACT

The size comparison skill is one of the important math skills for a child's development. Recognizing the child's level of skill development will greatly assist preschool teachers as well as educators in the process of research and development early childhood education. This article presents some research results on types of size comparison skills of preschool children, identifying expressions, assessment exercises and the actual development of size comparison skills of preschool children in some kindergarten in Hue city.